

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Hoàng Thương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Hoàng Thương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Thảo

Mã SV: 110214

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản	3
1.1.2 Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.2.1 Phân loại doanh thu	6
1.1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh.....	7
1.1.2.3 Phân loại kết quả kinh doanh	8
1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	9
1.1.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	9
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	10
1.3.1 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	12
1.3.2.1 Hệ thống tài khoản kế toán doanh thu.....	12
1.3.2.2 Hệ thống tài khoản chi phí	22
1.3.2.3 Hệ thống tài khoản xác định kết quả kinh doanh của hoạt động khác...	34
1.3.2.4 Hệ thống tài khoản xác định kết quả kinh doanh.....	35
1.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	38

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo Tài chính trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	41
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH.....	42
2.1 Đặc điểm chung về tình hình hoạt động của công ty.....	42
2.1.1 Đặc điểm kinh doanh của công ty.....	42
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty.....	42
2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý.....	43
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Yến Bình.....	45
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....	45
2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty.....	48
2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yến Bình.....	50
2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Yến Bình.....	62
2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính.....	67
2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	71
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	79
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH.....	86
3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	86
3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.....	86
3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.....	87
3.2 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yến Bình.....	88
3.1.1 Kết quả.....	88
3.1.2. Tồn tại.....	89

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.3. Những giải pháp đề ra để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình 90

Kết luận

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thành công trong việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, tổ chức thành công hội nghị APEC và hội nghị AFTA. Đây là cơ hội tốt để nước ta quảng bá về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, giúp nền kinh tế Việt Nam đẩy mạnh phát triển theo kịp thời đại, Đồng thời nó cũng tạo ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần còn non kém của nước ta.

Để phù hợp với sự tồn tại và điều tiết của quy luật kinh tế khách quan như quy luật cạnh tranh, cung cầu, quy luật giá cả ...đòi hỏi phải cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và toàn diện về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng lao động, vật tư và tiền vốn trong quá trình hoạt động kinh doanh, làm cơ sở tiền đề cho việc ra quyết định, chủ trương nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

Mục tiêu của kinh doanh là lợi nhuận, bên cạnh đó cũng không ít rủi ro. Muốn có được thành công đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường, trên cơ sở đó đưa ra quyết định các sản phẩm tiêu thụ. Để phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người quản lý kinh doanh nhằm đưa ra quyết định đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học hợp lý. Công tác kế toán còn thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả mọi hoạt động kinh doanh, kiểm tra sử dụng vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Yên Bình, dưới sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn : Thạc sĩ Ngô Thị Thanh Huyền và các cán bộ phòng tài chính kế toán cũng như các phòng ban chức năng khác, em đã thực hiện bài luận án tốt nghiệp này nhằm tìm hiểu công tác kế toán trong thực tế, so sánh sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn. Nội dung bài viết sẽ đi sâu vào tìm hiểu phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Em xin trình bày khóa luận tốt nghiệp của em gồm ba phần:

Phần 1: Những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phần 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình.

Phần 3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản

- Hàng hóa:

Hàng hóa là những vật phẩm các doanh nghiệp mua về để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

- Thành phẩm:

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm đó, đã qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

- Sản phẩm sản xuất: là kết quả của quá trình sản xuất.

- Sản phẩm tiêu thụ: là kết quả của hoạt động thương mại.

- Bán hàng: là quá trình chuyển giao quyền sở hữu từ 1 người bán đến 1 người mua, đồng thời người bán có quyền yêu cầu người mua thanh toán tiền cho số sản phẩm đã được chuyển giao.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu: là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ.

- Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp (nợ không ai đòi, thu về thanh lý TSCĐ, tài sản thừa chưa rõ nguyên nhân...)

- Hình thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt (thanh toán bằng chuyển khoản...)

+ Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu bán hàng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

+ Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Chiết khấu thương mại: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận sẽ được hưởng chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng mua bán.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

- Hàng bán bị trả lại: là số hàng đã được kế toán phản ánh là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán.

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa di chuyển giữa các quốc gia.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là một sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

+ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã được tiêu thụ trong kỳ, ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

vốn để xác định kết quả. Xác định đúng giá vốn có ý nghĩa rất quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh.

+ Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và những hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý: bao gồm toàn bộ lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của ban Giám đốc, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu: bao gồm các khoản chi phí vật liệu liên quan đến bán hàng.

- Chi phí công cụ đồ dùng: phản ánh giá trị công cụ đồ dùng phục vụ cho công tác bán hàng và công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí về dịch vụ mua ngoài như tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại...

+ Doanh thu tài chính, chi phí tài chính

- Doanh thu tài chính bao gồm: các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản...; cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi chuyển nhượng.

- Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ có liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch mua bán chứng khoán, các khoản trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

+ Chi phí khác, thu nhập khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi phí khác, thu nhập khác là những khoản thu nhập hay chi phí mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc đó là những khoản thu chi không mang tính thường xuyên. Các khoản thu nhập khác và chi phí khác phát sinh có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp hoặc do khách quan mang lại.

+ Kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được thể hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.2 Phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Phân loại doanh thu

Tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh có các loại doanh thu sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phí thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu được xác định là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được xác định là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm thuế GTGT).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu được xác định là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

+ Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp như góp vốn liên doanh, đầu tư chứng khoán...

Mọi khoản thu nhập liên quan đến hoạt động đầu tư về vốn hoặc kinh doanh về vốn tạo thành chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản sau:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư hàng hóa; lãi cho thuê tài chính...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.
- Thu nhập từ đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập từ chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỉ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi do chuyên nhượng vốn.

.....

+ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Ngoài ra còn có các khoản thu nhập khác.

1.1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh

+ Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, bao gồm:

- Chi phí vật tư
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp hiểu rõ cơ cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí và xu hướng thay đổi của từng yếu tố chi phí sản xuất

+ Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cách phân loại này là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ lập định mức chi phí, kế hoạch giá thành sản phẩm kỳ sau.

+ Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí, bao gồm:

- Chi phí trực tiếp
- Chi phí gián tiếp

Cách phân loại này giúp kế toán xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

1.1.2.3 Phân loại kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...)

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh doanh nghiệp có lãi hay bị lỗ, có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Đây cũng là nguồn giúp các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, là nguồn để tham gia đóng góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với nền kinh tế.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí phát sinh thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu thế phát triển, từ đó doanh nghiệp đưa ra được những chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy kế toán cần hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+ Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm :

- Hóa đơn GTGT: dùng cho doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, hóa đơn GTGT cần nêu rõ ba mục: giá bán chưa tính thuế GTGT, thuế GTGT và tổng giá thanh toán. Mỗi hóa đơn được lập cho những sản phẩm, dịch vụ có cùng thuế suất.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hóa đơn bán hàng: dùng cho doanh nghiệp áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc những mặt hàng không phải chịu thuế GTGT.
- Bản thanh lý hàng đại lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng...
- Tờ khai thuế GTGT
- Chứng từ liên quan như phiếu nhập kho hàng trả lại...

Căn cứ vào chứng từ bán hàng là các hóa đơn bán hàng kèm giấy đề nghị mua hàng, kế toán tiêu thụ thành phẩm sẽ tiến hành ghi sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thành phẩm. Ngoài giá bán thực tế tiêu thụ trong kỳ, kế toán phải theo dõi các khoản phí phụ thêm hoặc các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước.

Từ hóa đơn bán hàng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu ra với các doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ, thuế TTĐB đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu cho từng loại sản phẩm. Cuối kỳ kế toán lập bảng tổng hợp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu cho tất cả số thành phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng và phiếu thu kế toán vào sổ thanh toán với người mua. Sổ chi tiết thanh toán với người mua được mở trang riêng cho tất cả khách hàng thường xuyên hay không thường xuyên. Ngoài ra kế toán còn phải theo dõi thời hạn thanh toán cũng như các khoản chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Qua đó nhân viên phụ trách công nợ sẽ có kế hoạch đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn.

+ Chứng từ kế toán sử dụng trong chi phí bao gồm:

Hệ thống chứng từ giá vốn hàng bán:

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng
- Hóa đơn GTGT...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để theo dõi kế toán giá vốn hàng bán, chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho. Khi xuất thành phẩm, hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa đồng thời làm cơ sở vào sổ tiết vật liệu, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa. Đồng thời ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng thẻ kho.

+ Chứng từ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ thanh toán phục vụ bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, séc thanh toán...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Hóa đơn GTGT

1.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.2.1 Hệ thống tài khoản kế toán doanh thu:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Các phương thức bán hàng:

-Phương thức bán hàng trực tiếp.

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

-Phương thức chuyển hàng.

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

người mua chấp nhận thanh toán hoặc một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

-Phương thức giao hàng đại lý.

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

-Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi chậm trả. Về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hóa bán được coi là tiêu thụ.

-Phương thức bán đổi hàng.

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hóa của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hóa của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập khi và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hóa đó trên thị trường.

Điều kiện ghi nhận doanh thu :

**Ghi nhận doanh thu bán hàng:*

+Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ Trong trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

- Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.

- Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì còn phụ thuộc vào người mua.

- Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

- Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán mà doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

**Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ chỉ được xác định khi thỏa mãn đồng thời bốn điều kiện sau:

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

-Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;

-Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;

-Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

-Tiền lãi: số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

-Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

-Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

-Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

-Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tài khoản sử dụng:

+ **TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Bên nợ:

-Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

-Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

-Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

-Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

-Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

+Tài khoản 5111 “doanh thu bán hàng” :Phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực...

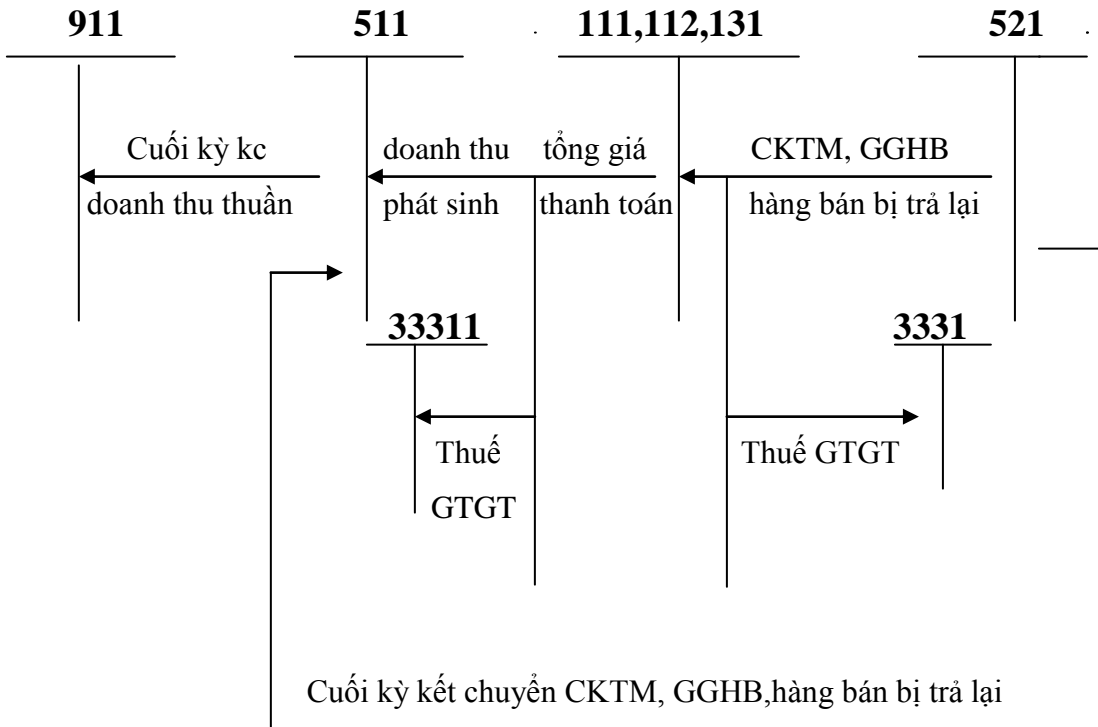
+Tài khoản 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm” :Phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp...

+Tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ” :Phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng. dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán...

+Tài khoản 5118 “Doanh thu khác” :Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu về cho thuê hoạt động, nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ)*



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh thu hoạt động tài chính:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

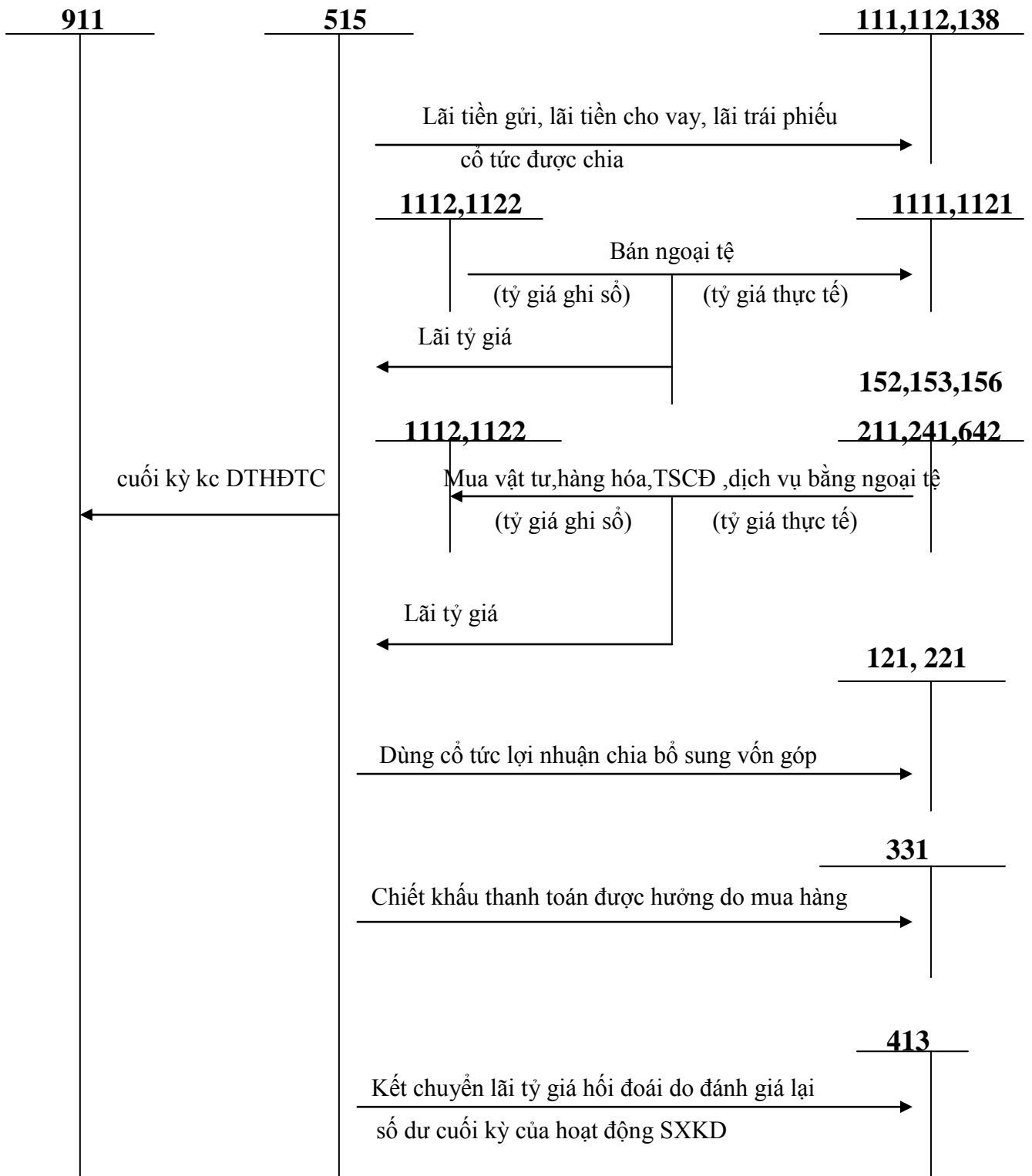
Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch của hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

-Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng với số lượng lớn.

-Hàng bán bị trả lại: là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã ký kết.

-Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

Một số quy định khi hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

– Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng, chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn và chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn. Không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn và đã được trừ vào tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn.

– Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 521. Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào Tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần thực tế trong kỳ.

Tài khoản sử dụng :

Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Bên nợ :

-Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.

-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng.

Bên có :

Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

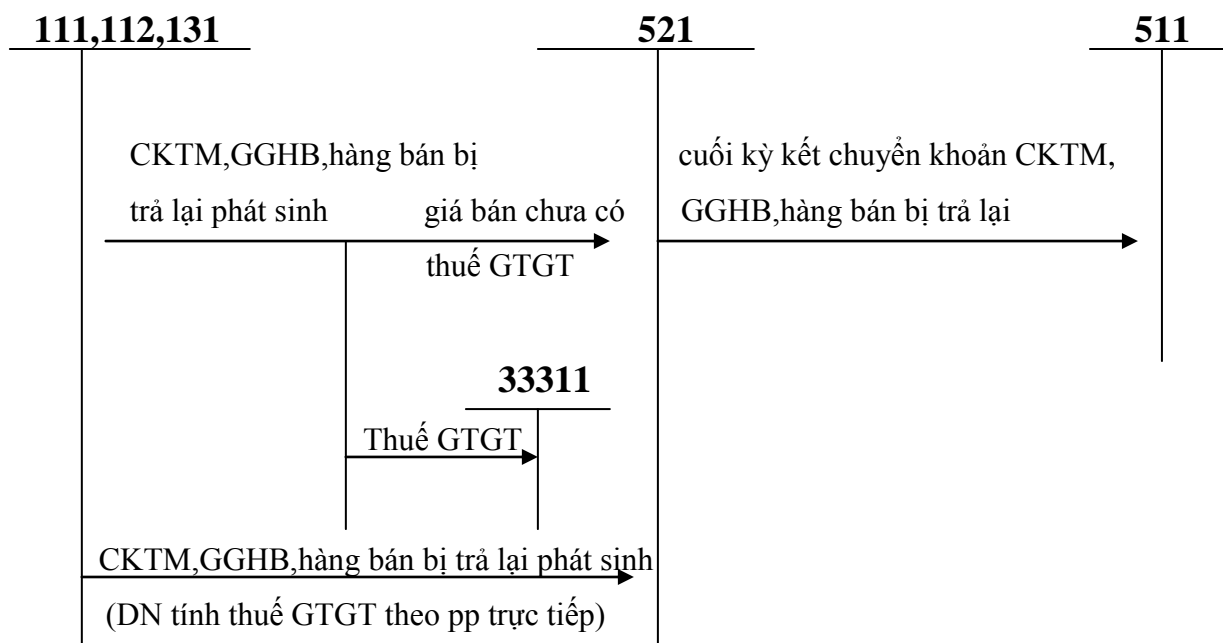
Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2 :

-Tài khoản 5211 : Chiết khấu thương mại

-Tài khoản 5212 : Hàng bán bị trả lại

-Tài khoản 5213 : Giảm giá hàng bán

Sơ đồ 1.3: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.2.2 Hệ thống tài khoản chi phí:

Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ, lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng hóa xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng hóa xuất kho

Phương pháp đơn giá bình quân:

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\text{Trị giá vốn hàng xuất kho}}{\text{Lượng hàng xuất kho}} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân gia quyền lại có thể được tính theo một trong hai sau:

- + Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- + Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần xuất } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất}}{\text{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất}}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

- + Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số vật liệu nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá thực tế vật liệu xuất trước và do vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

+ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).

Phương pháp này giả định vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước ở trên. Phương pháp nhập sau xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

+ Phương pháp trực tiếp (Phương pháp thực tế đích danh):

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ tính theo giá thực tế của vật liệu đó. Do vậy, phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng hay phương pháp giá trị thực tế đích danh và thường sử dụng với các loại vật liệu có giá trị cao và có tính tách biệt.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Trường hợp 1 : doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ:

+Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh:

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

-Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

-Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh:

-Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ

-Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.

-Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư trong kỳ.

-Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.

-Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên có:

-Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải trả năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

-Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

-Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Một số tài khoản khác có liên quan:

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”: phản ánh tình hình hiện có và sự biến động về mặt giá trị các sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ hoặc các dịch vụ chưa hoàn thành.

Bên nợ : Các nghiệp vụ làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Bên có : Các nghiệp vụ làm giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Dư nợ : Phản ánh giá trị của các sản phẩm sản xuất dở dang cuối kỳ.

Tài khoản 155 “Thành phẩm”: phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của các loại thành phẩm qua kho theo chi phí sản xuất thực tế (được mở chi tiết cho từng loại sản phẩm tùy theo yêu cầu quản lý).

Bên nợ : Các nghiệp vụ làm tăng giá trị thành phẩm.

Bên có : Các nghiệp vụ làm giảm giá trị thành phẩm.

Dư nợ : Phản ánh giá trị thành phẩm tồn kho thực tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 156 “Hàng hóa” : phản ánh giá trị thực tế tại kho, tại quầy, chi tiết theo từng kho, quầy, loại, nhóm... hàng hóa.

Bên nợ : phản ánh các nghiệp vụ làm tăng giá trị thực tế hàng hóa tại kho (giá mua và chi phí thu mua)

Bên có : giá trị của hàng hóa xuất tại kho

Dư nợ : giá trị thực tế hàng hóa tồn kho

Tài khoản 157 “Hàng gửi bán” : dùng để theo dõi trị giá của sản phẩm (theo chi phí sản xuất thực tế) và trị giá hàng hóa (theo giá mua) được tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận hoặc đại lý ký gửi.

Bên nợ : trị giá hàng gửi bán chưa bán được tăng lên trong kỳ

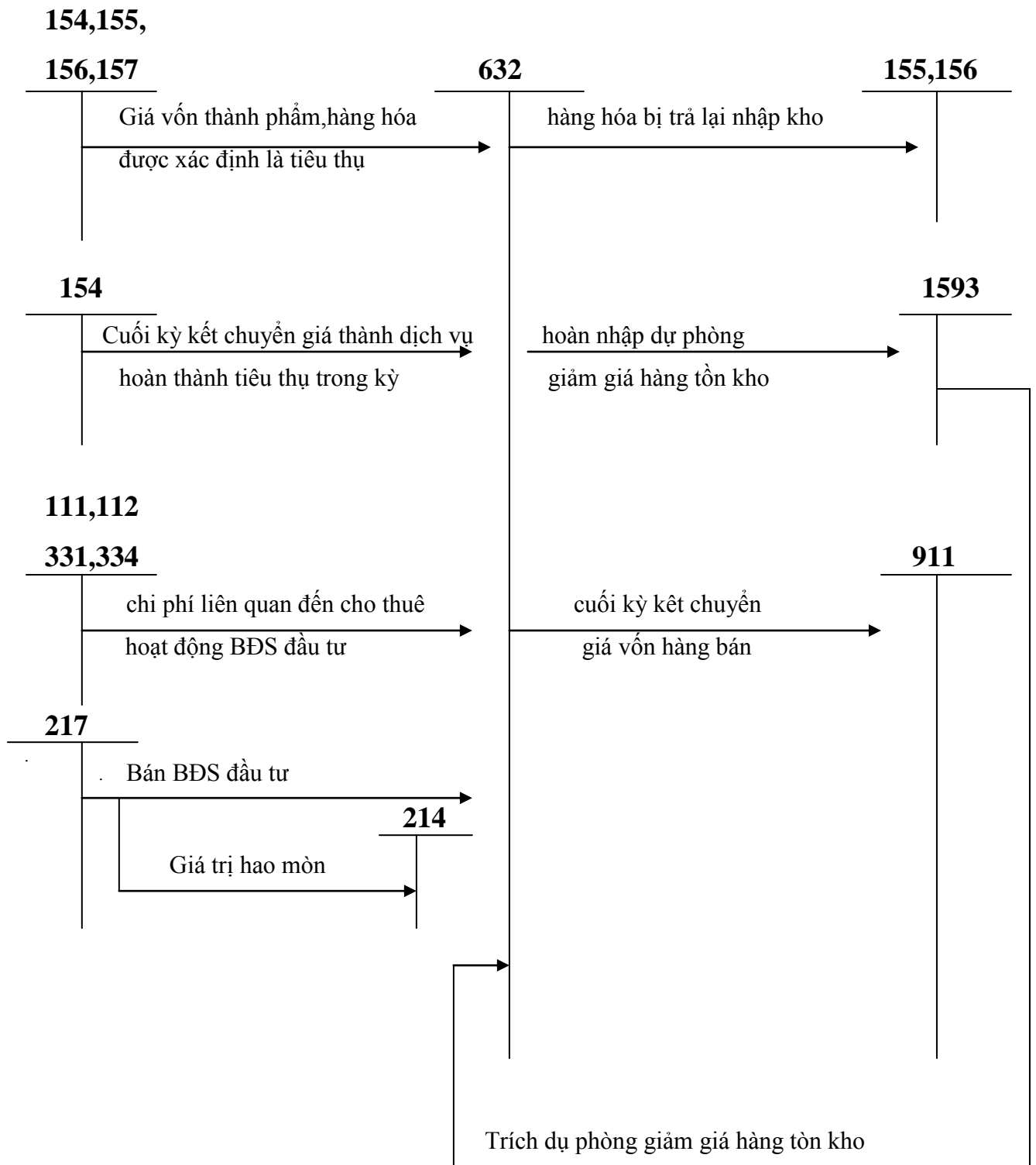
Bên có : -trị giá hàng gửi bán đã bán được trong kỳ

-trị giá hàng gửi bán không bán được đã thu hồi về

Dư nợ : giá trị sản phẩm, hàng hóa gửi bán chưa bán được

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trường hợp 2 : Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

+Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Tài khoản 632 :

Bên nợ :

-Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số trích dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)

Bên có :

-Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là đã bán.

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số năm trước đã lập)

-kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

Bên nợ :

-Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)

-Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên có:

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ tài khoản 155 “Thành phẩm”

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số năm trước đã lập)

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản liên quan:

Tài khoản 155, 157:

Bên nợ : trị giá thành phẩm, hàng gửi bán chưa bán được lúc cuối kỳ

Bên có : kết chuyển trị giá thành phẩm, hàng gửi bán chưa bán được lúc đầu kỳ.

Dư nợ : trị giá thành phẩm, hàng gửi bán còn lại tại thời điểm kiểm kê.

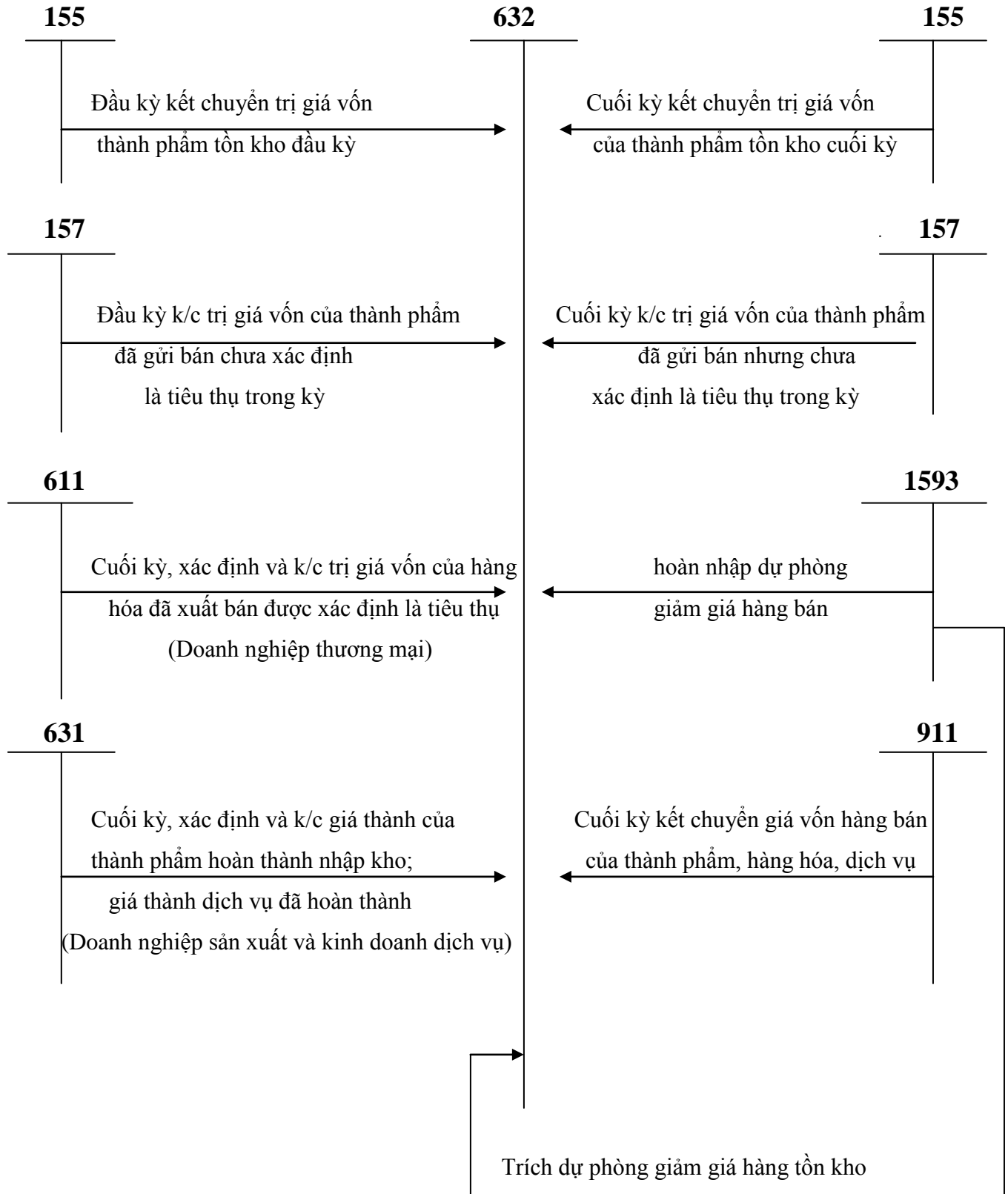
Tài khoản 611 “Mua hàng”

Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi phí quản lý kinh doanh:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế nhà đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng phải trả, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, công tác phí...)

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”:

Bên nợ : chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Bên có :

-các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

-kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

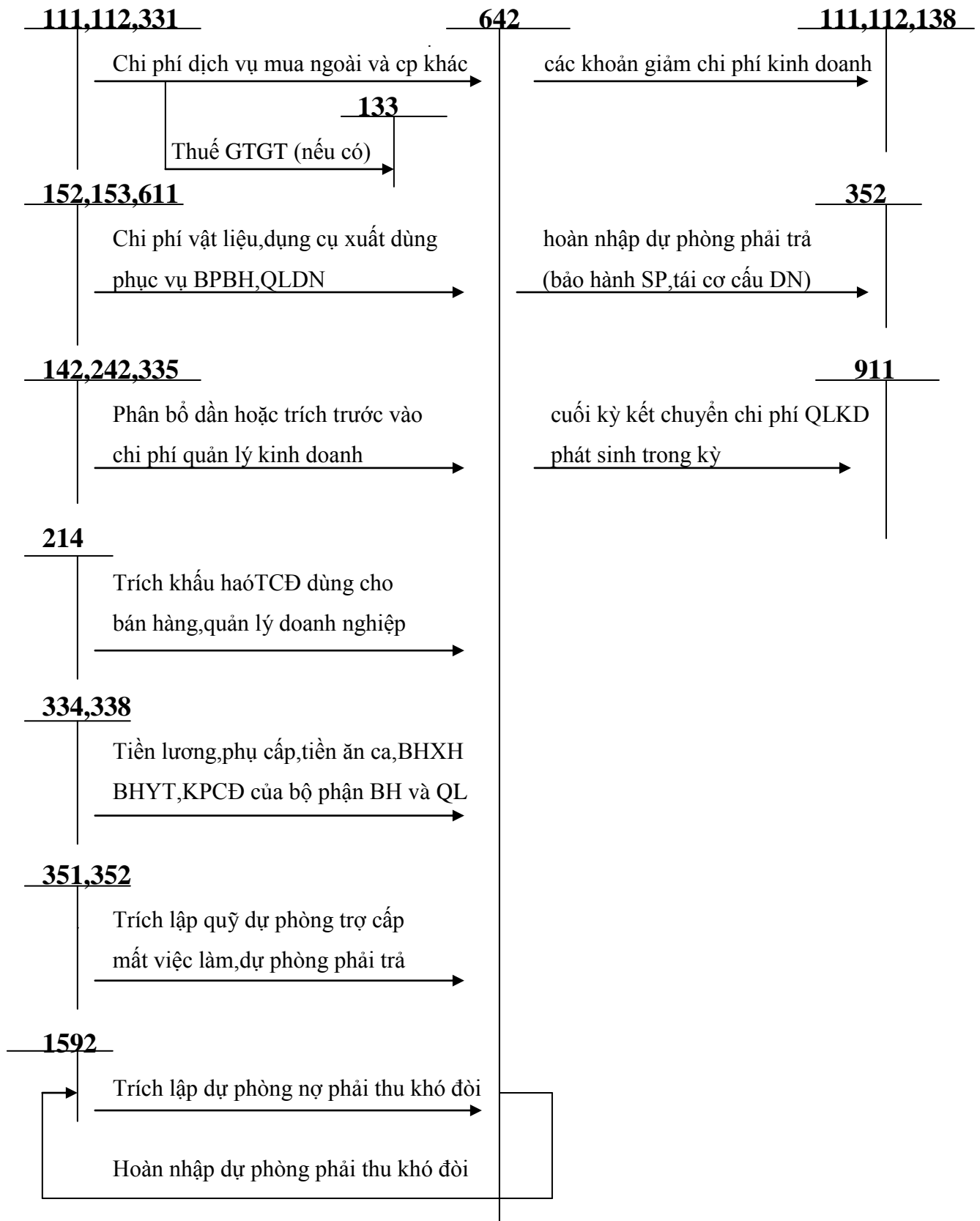
Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

-Tài khoản 6421 – chi phí bán hàng : dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

-Tài khoản 6422- chi phí quản lý doanh nghiệp : dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chi phí tài chính:

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán ngắn hạn...; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh do bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Bên nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có tính chất tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Do phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Bên có :

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Cuối kỳ kế toán năm, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.3 Hệ thống tài khoản xác định kết quả kinh doanh của hoạt động khác

Thu nhập khác:

Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung bao gồm : thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu các khoản phải trả không xác định được chủ; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Bên nợ :

-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

-Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Bên có : Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Chi phí khác:

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm : chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hạn khác; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế; các khoản chi phí khác.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Bên nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có : Cuối kỳ kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.4 Hệ thống tài khoản xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh:

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên nợ :

-Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp.

-Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

-Chi phí quản lý kinh doanh.

-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

-Kết chuyển lãi

Bên có:

-Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

-Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác.

-Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Lợi nhuận chưa phân phối:

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Bên nợ :

-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Trích lập các quỹ

-Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư.

-Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

Bên có :

-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

-Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư bên nợ hoặc số dư bên có.

Số dư bên nợ : số lỗ hoạt động kinh doanh lũy kế.

Số dư bên có : số lợi nhuận chưa phân phối.

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối có 2 tài khoản cấp 2 :

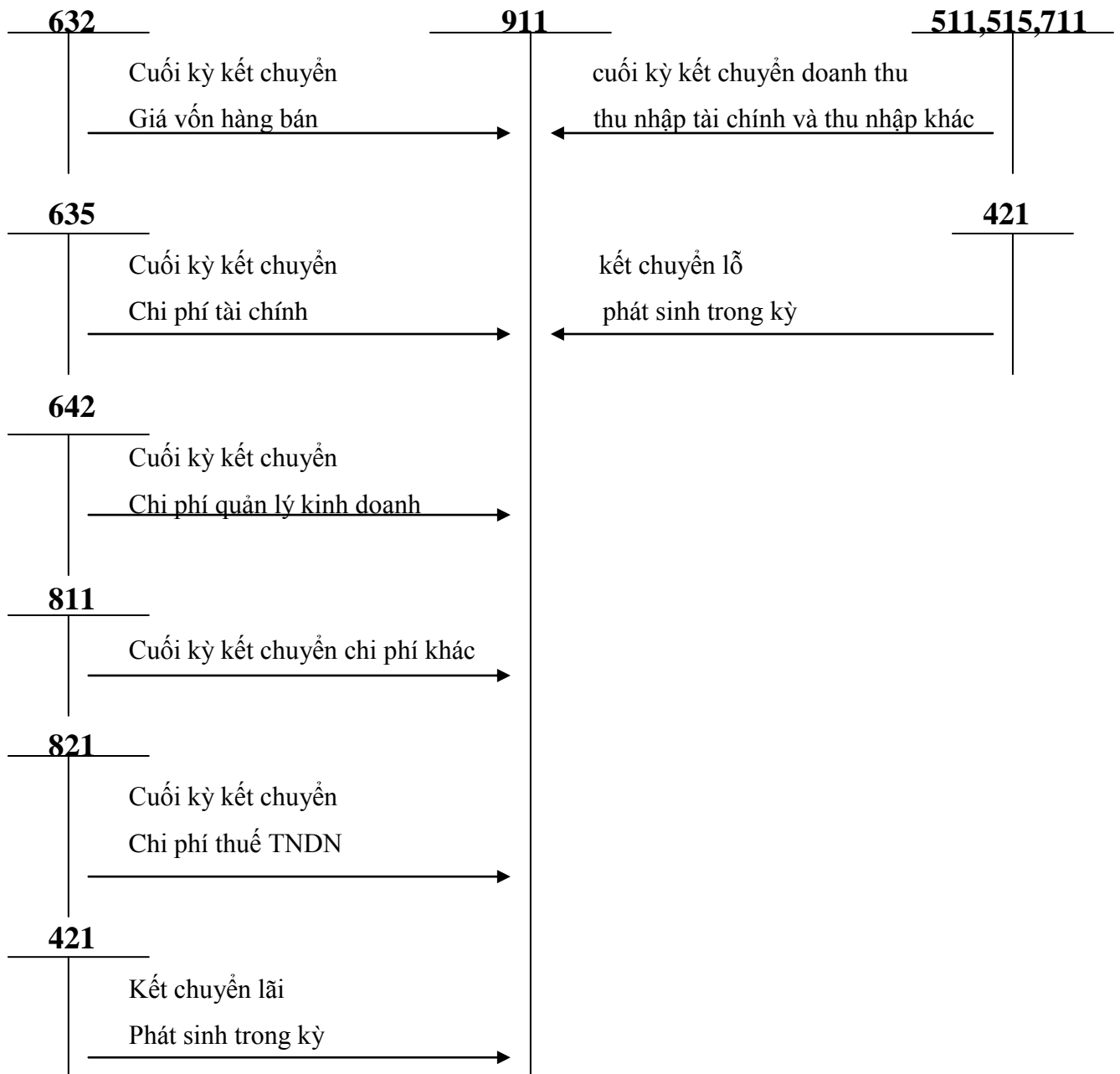
-Tài khoản 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước: phản ánh lợi nhuận hoặc lỗ trong các năm trước chưa phân phối hoặc xử lý.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ tài khoản 4212 “lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang tài khoản 4211 “lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

-Tài khoản 4212 – lợi nhuận chưa phân phối năm nay : phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Có 5 hình thức ghi sổ:

Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – sổ cái : các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi chép vào sổ Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái bao gồm các sổ kế toán sau :

- Nhật ký – sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung : tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo dõi nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ sau :

- sổ nhật ký chung
- sổ cái
- các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hình thức nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ :

-Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

-Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ đó theo nội dung kinh tế.

-Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các mối quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính, lập báo cáo tài chính.

Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi chép sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

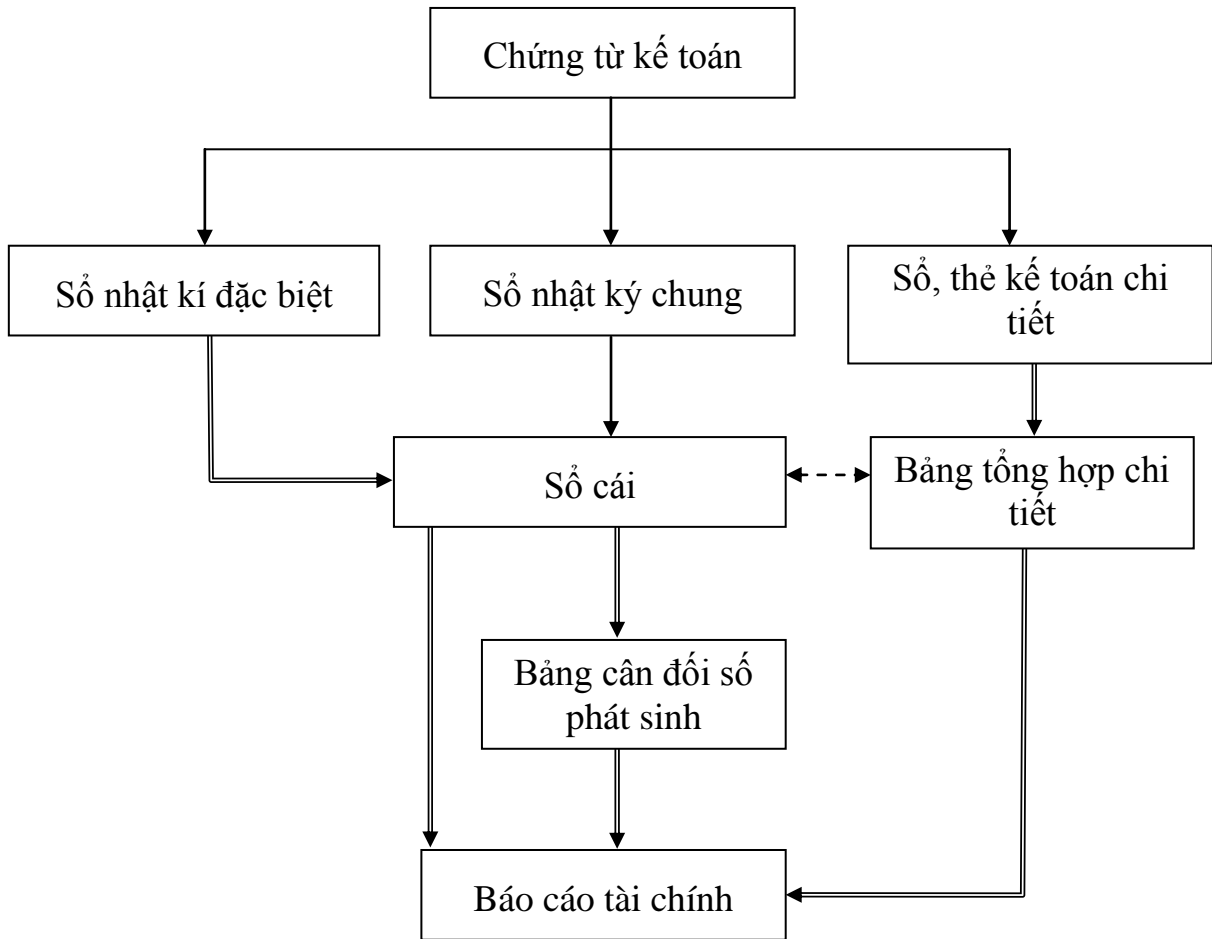
Hình thức kế toán máy

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo quy tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trong quá trình thực tập, công ty em thực tập áp dụng phương pháp ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung nên em xin phép được đi sâu vào hình thức kế toán ghi sổ Nhật ký chung.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật lý chung



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> Ghi sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Do công ty mở sổ, thẻ kế toán chi tiết nên đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở sổ Nhật kí đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí đặc biệt liên quan. Cuối tháng, tùy vào khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu phù hợp để ghi vào tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật kí chung.

1.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo Tài chính trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời cũng như thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm như doanh nghiệp đầu tư, cơ quan thuế...

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC), bao gồm:

- + Bảng Cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)
- + Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)
- + Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01-DNN)

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH**

2.1 Đặc điểm chung về tình hình hoạt động của công ty

Công ty TNHH Yến Bình (dưới đây gọi là Yến Bình) là doanh nghiệp hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202000097 do Sở kế hoạch đầu tư cấp ngày 17/04/2002. Thời gian hoạt động 9 năm, ngành nghề kinh doanh chính : Vật tư thiết bị máy tổng hợp.

Hình thức doanh nghiệp : Trách nhiệm hữu hạn

Địa chỉ trụ sở : số 1Đ Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.838136

Fax : 0313.831291

Mã số thuế : 0200403750

2.1.1 Đặc điểm kinh doanh của công ty.

+ Lĩnh vực hoạt động của công ty

-100% Hàng hóa của công ty TNHH Yến Bình được bán theo các hợp đồng đã được ký kết quy định rõ ràng về chất lượng cũng như giá cả của từng mặt hàng.

-Lĩnh vực kinh doanh : vật tư máy móc thiết bị tổng hợp.

+ Hình thức pháp lý

- Loại hình doanh nghiệp : Công ty Trách nhiệm hữu hạn

-Hình thức sở hữu vốn : Vốn tự có

-Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty

-Công ty tự hạch toán độc lập, trong hoạt động thực tiễn công ty luôn chủ động tìm các nguồn hàng từ các chủ hàng gốc, kết hợp với đại lý môi giới để tìm ra được nguồn hàng hóa tốt nhất phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

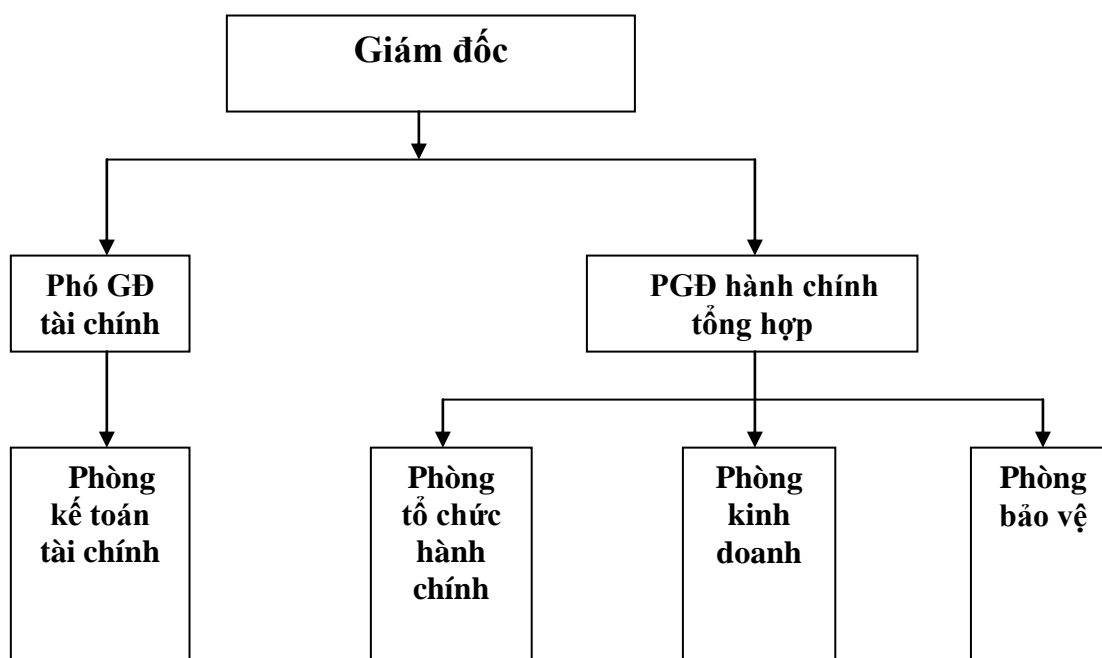
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty.

-Thuận lợi : công ty được thành lập khi nhu cầu về máy móc thiết bị vật tư là rất lớn , công ty lại chọn đúng địa điểm để chọn làm trụ sở của công ty, đó là khu phố buôn bán lớn nhất của Hải Phòng lúc bấy giờ cũng như ở thời điểm hiện tại. Nguồn hàng lại được công ty tìm kiếm rộng rãi tạo nên sự phong phú, đảm bảo về mặt chất lượng cũng như giá cả .Đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, giữa nhân viên cũng như lãnh đạo có sự đoàn kết thống nhất cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của giám đốc công ty.Tất cả sẽ là tiền đề giúp công ty ngày càng phát triển.

-Khó khăn : khách hàng của công ty chủ yếu ở trong nội thành Hải Phòng, chủ yếu là những khách hàng lâu năm. Chính việc này khiến cho doanh thu mà công ty thu được chưa được tương xứng với tiềm năng kinh doanh của công ty. Trong thời gian sắp tới , công ty sẽ có những chiến dịch cụ thể để mở rộng được thị trường , làm phong phú danh sách khách hàng.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Yến Bình



Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban :

-Giám đốc Công ty: Là người có vai trò và thẩm quyền cao nhất trong công ty, là người chỉ huy, chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành, quản lý chung mọi hoạt động của công ty. Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm xây dựng chính

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sách, đường lối phát triển, hoạt động của công ty, đồng thời thường xuyên tiến hành cải tiến phương pháp làm việc sao cho hợp lý. Bên cạnh đó giám đốc có trách nhiệm quản lý tài chính của công ty, đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn của công ty.

-Phó giám đốc hành chính: quản lý chặt chẽ công tác văn thư mật theo chế độ quy định của nhà nước, của ngành, của đơn vị. Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát theo dõi việc thực hiện chấp hành chế độ, chính sách, nội quy, quy định của công ty. Xây dựng kế hoạch và thông báo kế hoạch đã được giám đốc phê duyệt về lịch công tác, lịch làm việc, lịch trực của công ty.

-Phó giám đốc tài chính: Tham mưu cho giám đốc, có trách nhiệm quản lý bộ phận tài chính, đảm bảo số liệu chính xác, đầy đủ, trên cơ sở đó phân tích báo cáo cấp trên. Tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế, các chứng từ giao dịch với ngân hàng, các biên bản, công văn khi giám đốc ủy quyền.

-Phòng tổ chức hành chính: Thực hiện các công tác quản lý hành chính, văn phòng, giám sát theo dõi nhân sự ở các khối phòng ban, tiến hành các công tác tổ chức các khóa đào tạo nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên trong công ty có đầy đủ năng lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh đồng thời tiếp nhận thu thập và bảo quản hồ sơ nhân sự, phân phối tài liệu quy định, chính sách mục tiêu, hướng dẫn ghi chép hồ sơ cho cán bộ công nhân viên.

-Phòng kinh doanh: Quản lý điều hành công tác tiêu thụ hàng hóa của toàn bộ công ty. Phòng kinh doanh có trách nhiệm nghiên cứu thị trường, thu thập, báo cáo và xử lý thông tin, khai thác mở rộng thị trường, tiếp thị quảng cáo, thanh tra, kiểm tra giám sát công tác tiêu thụ hàng hóa, kiểm tra các vùng thị trường, kết hợp với phòng Kế toán tài chính đôn đốc khách hàng thanh toán công nợ tiền hàng. Bên cạnh đó phòng kinh doanh cũng thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ hàng hóa và chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng đó. Cùng với phòng Kế toán tài chính xây dựng giá bán các loại hàng hóa, các quy chế tiêu thụ, chế độ khuyến mãi, bảo hành cho khách hàng của công ty trình Giám đốc công ty duyệt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Phòng kế toán tài chính : với chức năng là phòng chuyên môn tham mưu giúp giám đốc công ty thực hiện các công tác: quản lý vốn và tài sản, tổng hợp tình hình tài chính của công ty.

Phòng kế toán theo dõi tình hình công nợ và khả năng thực tế của doanh nghiệp, căn cứ vào chứng từ tổng hợp thu chi hạch toán kết quả kinh doanh, tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phân tích đánh giá kết quả kinh doanh đồng thời tính toán và trích lập đầy đủ các khoản thuế nộp ngân sách nhà nước, các quỹ để lại công ty, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả. Bên cạnh đó, phòng kế toán đề xuất với lãnh đạo đưa ra những biện pháp khắc phục những khâu còn lãng phí, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh tế của công ty.

-Phòng bảo vệ: có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy, quy chế và kỷ luật lao động, phòng chống cháy nổ để đảm bảo an toàn về tài sản.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Yên Bình

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán tổng hợp của công ty được tổ chức gọn nhẹ những vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán tổng hợp là trung tâm quan trọng nhất, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Nhiệm vụ cụ thể như sau:

-Tổ chức hệ thống kế toán của doanh nghiệp để tiến hành ghi chép một cách chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

-Tiến hành các hoạt động kiểm soát ngân sách của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Đảm nhiệm việc hoạch định và đưa ra những quyết định tài chính ngắn hạn.

-Thiết lập đầy đủ, đúng thời hạn và đảm bảo tính chính xác các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

-Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thi hành kịp thời các thể lệ tài chính kế toán do nhà nước ban hành.

-Tổ chức duy trì các nghiệp vụ kế toán quản trị nhằm phục vụ cho công tác hạch định và đưa ra các quyết định tài chính.

-Tổ chức bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán.

-Tiến hành phân tích tài chính của doanh nghiệp nhằm tìm ra các điểm mạnh, yếu của doanh nghiệp, thông qua việc so sánh kết quả phân tích với các kỳ trước hoặc với các doanh nghiệp khác.

-Cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới.

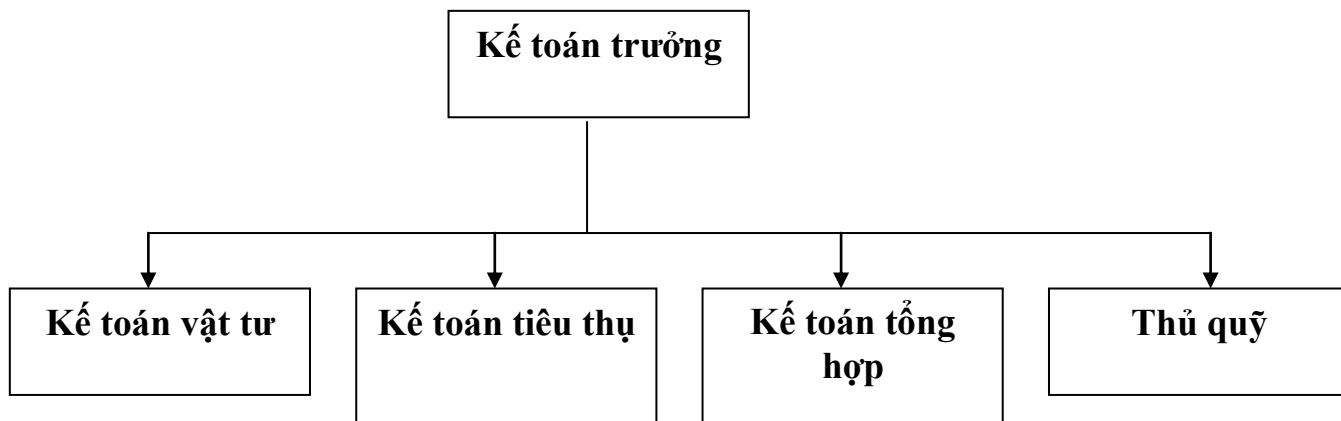
-Cùng với Giám đốc hoạch định chiến lược tài chính của doanh nghiệp. Hoạt động này bao gồm việc xem xét một cách chi tiết những nhân tố tài chính có những tác động quan trọng đối với sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp. Các hoạt động chủ yếu bao gồm chiến lược huy động ngân quỹ, chiến lược tài trợ cho các dự án, đánh giá tính sinh lợi.

-Kiểm soát và sử dụng một cách hợp lý các loại tài sản của doanh nghiệp.

Để thực hiện các chức năng này phòng tài chính cần thông thạo các kiến thức chuyên môn nhất định trong lĩnh vực tài chính kế toán, kế toán quản trị, kinh tế học, thống kê kinh tế, luật kinh doanh. Do vậy tất cả mọi quyết định tài chính đều phải dựa trên cơ sở những thông tin thị trường để xử lý áp dụng phù hợp với doanh nghiệp mình.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp



- **Kế toán trưởng** : Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

-**Thủ quỹ**: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bên bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

- **Kế toán vật tư**: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra

- **Kế toán tổng hợp**: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

- **Kế toán tiêu thụ**: ghi chép phản ánh tình hình kinh doanh của công ty, theo dõi tình hình thanh toán công nợ của công ty với các đối tượng: khách hàng, nhà cung cấp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty:

* Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:

– *Chế độ kế toán*: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

– *Kỳ kế toán*: Công ty áp dụng, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

– *Hình thức kế toán*: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

– *Phương pháp tính giá xuất kho*: Công ty tính giá xuất kho phương pháp nhập trước – xuất trước.

– *Phương pháp tính khấu hao TSCĐ*: Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

– *Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT*: Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào

Trong đó:

Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ x thuế suất

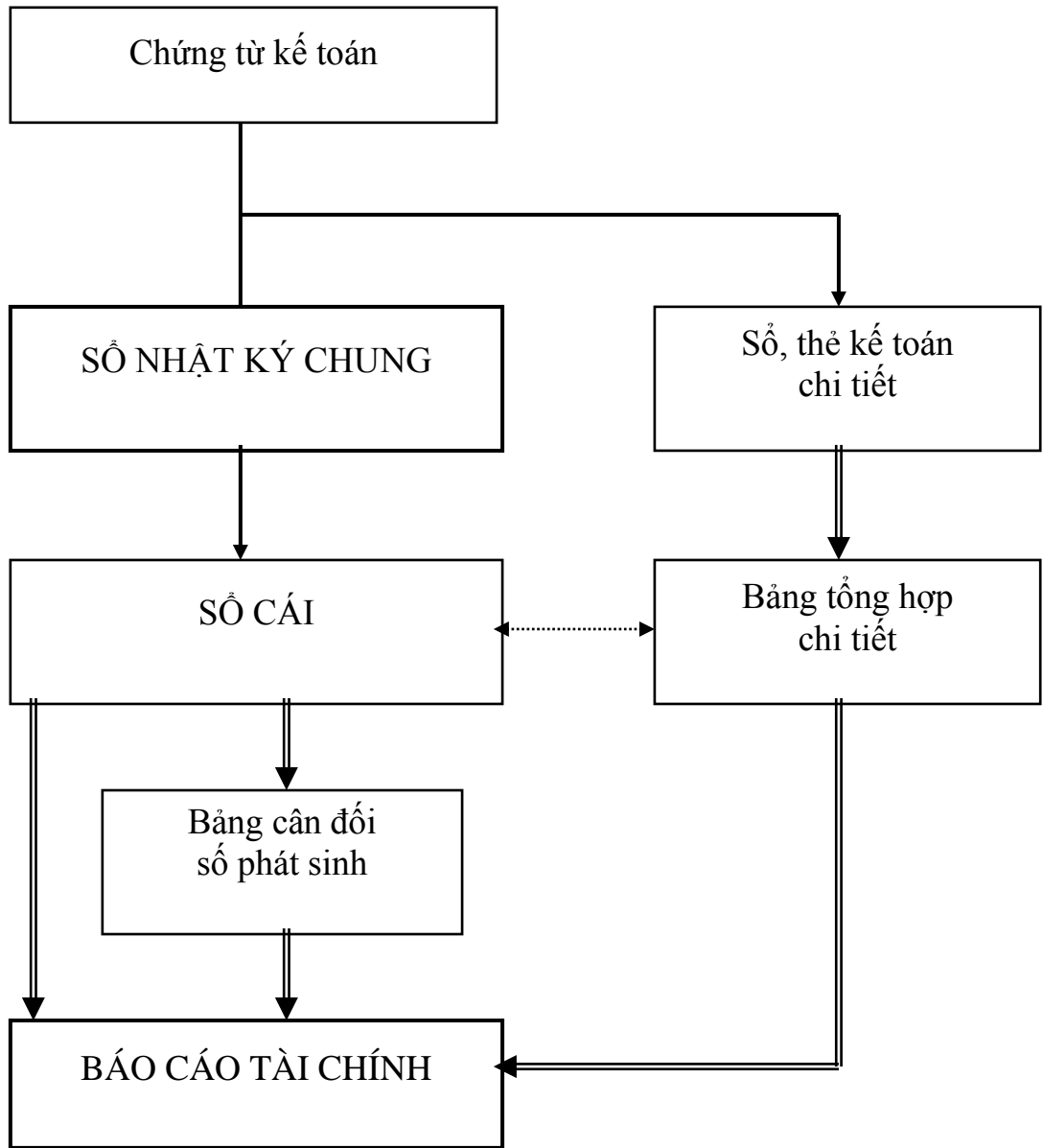
Thuế GTGT đầu vào = Tổng số thuế GTGT được thanh toán ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào.

* *Hệ thống sổ kế toán*:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Yên Bình



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

** Hệ thống báo cáo kế toán:*

- Báo cáo kế toán của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Báo cáo bao gồm:

+ Bảng Cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)

+ Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)

+ Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)

+ Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01-DNN)

- Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế

2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Yên Bình

a. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty Công ty TNHH Yên Bình:

Công ty TNHH Yên Bình là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu của công ty chủ yếu là từ buôn bán vật tư máy móc thiết bị tổng hợp. Ngoài ra còn có các doanh thu khác như lãi tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : Việc ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn công ty đã thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp hàng hóa dịch vụ đó, hàng hóa dịch vụ đã hoàn thành hoặc đã phát hành hóa đơn, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

b. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Yên Bình :

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị gốc của hàng hóa đã thực sự tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song. Tại kho, thủ kho theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn của các loại nguyên vật liệu nhập kho thông qua thẻ kho. Tại phòng kế toán, kế toán theo dõi tình hình tăng giảm của hàng tồn kho thông qua các sổ chi tiết thành phẩm, hàng hoá và bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn trong kỳ.

Phương pháp tính giá vốn:

Tại công ty TNHH Yên Bình, kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Theo phương pháp này đơn giá xuất kho của mỗi sản phẩm được xác định như sau:

Hàng nào nhập về trước thì xuất ra trước, xuất hết lần nhập trước mới tính đến lần nhập sau và chú ý là hàng tồn đầu kỳ được coi là hàng nhập lần đầu tiên.

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán

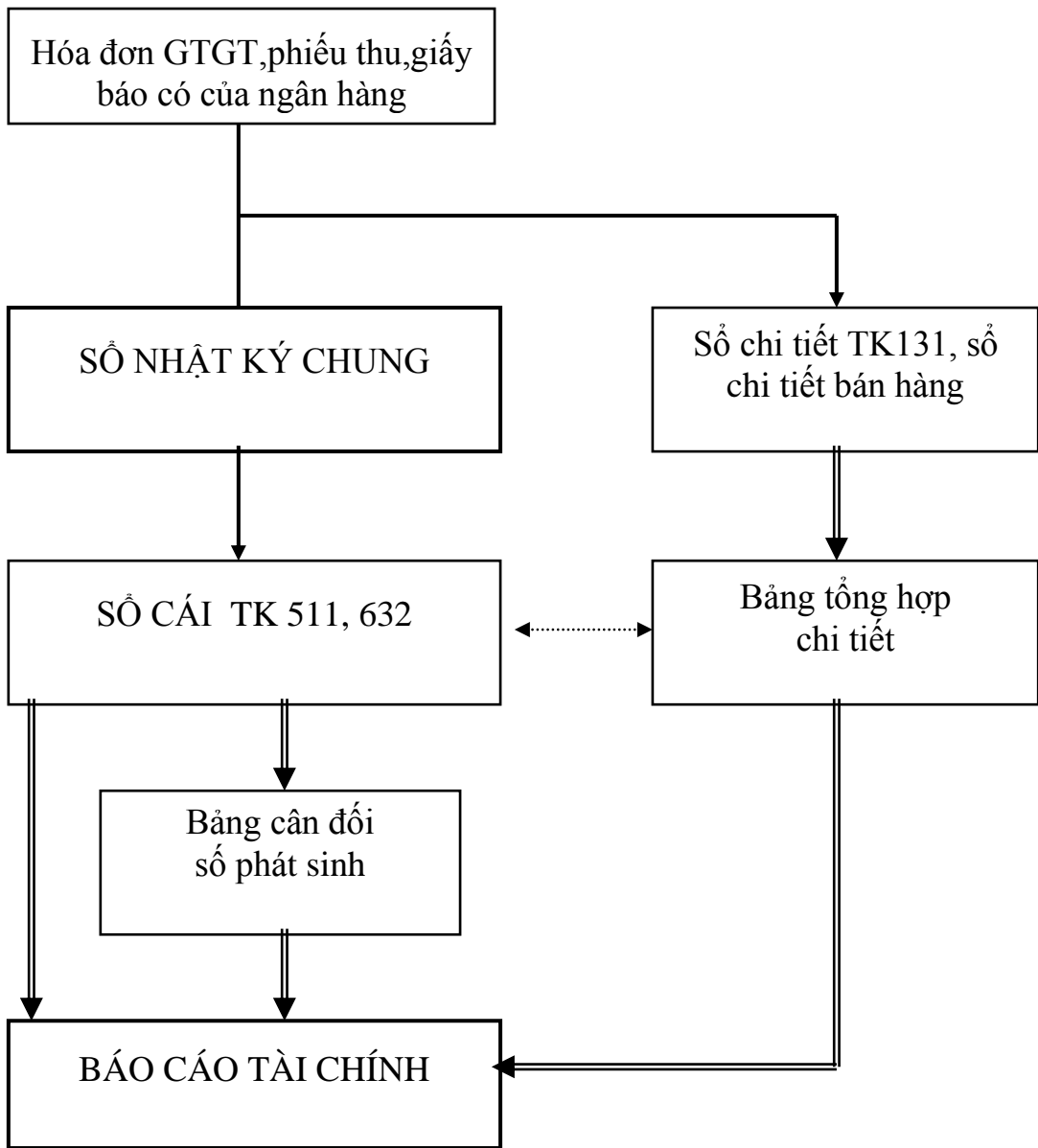
Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 156: Hàng hóa
- Và các tài khoản khác có liên quan

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản: TK511, 632, 131, 111, 112, 156....
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết hàng hóa...
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng, Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn...

Sơ đồ 2.4: *Hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thực tế doanh thu tại công ty:

Ngày 10/12/2010 theo HĐ0021703 công ty TNHH An Khang mua vật tư máy móc (máy khoan) với giá chưa thuế là 16.000.000VNĐ, tổng cộng tiền thanh toán là 17.600.000VNĐ, công ty TNHH An Khang chưa thanh toán.

+ Trình tự thực hiện:

- Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Tại phòng tài chính kế toán, kế toán giá thành, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh viết hoá đơn GTGT để lấy doanh thu, Công ty TNHH An Khang chưa thanh toán tiền.

- Kế toán nguyên vật liệu viết phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán.

- Từ các chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ cái TK 511, 632

Kế toán ghi sổ theo định khoản :

- Giá vốn:

Nợ TK 632 : 14.150.000

Có TK 156 : 14.150.000

- Giá bán:

Nợ TK 131 : 17.600.000

Có TK 511 : 16.000.000

Có TK 3331: 1.600.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT -3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NG/2010B															
Liên 3: Nội bộ			0021703															
Ngày 10 tháng 12 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Yên Bình																		
Địa chỉ: SỐ 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng.....																		
Số tài khoản:.....																		
Điện thoại:0313 838136.....MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>5</td><td>0</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	0	3	7	5	0			
0	2	0	0	4	0	3	7	5	0									
Họ tên người mua hàng: Bùi Minh Thành.....																		
Tên đơn vị: Cty TNHH An Khang																		
Địa chỉ: 206 Trần Duy Hưng - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội																		
Số tài khoản:.....																		
Hình thức thanh toán: TM.....MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>0</td><td>6</td><td>5</td><td>8</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	0	6	5	8	2			
0	2	0	0	4	0	6	5	8	2									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x2													
1	Máy khoan MT 603	Chiếc	20	570.000	11.400.000													
2	Máy khoan MT 651	Chiếc	10	460.000	4.600.000													
Cộng tiền hàng:					16.000.000													
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.600.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					17.600.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng/.</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
Bùi Minh Thành		Lê Thị Nhung		Nguyễn Văn Thái														

Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH
SỐ 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006
của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số 259

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 632:

Có TK 156:

Họ và tên người nhận hàng: công ty TNHH An Khang

Địa chỉ: 206 Trần Duy Hưng - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Lý do xuất kho: Xuất hàng đi bán

Xuất tại kho: số 1Đ Phạm Hồng Thái

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy khoan MT 603		Chiếc	20	20	510.000	10.200.000
2	Máy khoan MT 651		Chiếc	10	10	395.000	3.950.000
Cộng							14.150.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642 133 111	860.000 86.000	946.000
							
10/12	0021703	10/12	Cty TNHH An Khang mua hàng chưa thanh toán Giá vốn hàng bán			131 511 3331 632 156	17.600.000 14.150.000	16.000.000 1.600.000 14.150.000
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			642 111	3.500.000	3.500.000
14/12	0021706	14/12	Thanh lý TSCĐ			214 811 211 111 711 3331	250.333.423 125.166.712 160.000.000	375.500.135 145.454.545 14.545.455
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi TGNH			112 515	1.056.000	1.056.000
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711 911	20.511.386.684 5.294.791 146.404.812	20.663.086.287
			Kết chuyển chi phí			911 632 642 811	20.573.732.062	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895
			Cộng phát sinh				163.759.812.724	163.759.812.724

- Sổ này có 26 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 26

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7: Trích nhật ký chung tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa : Máy khoan

Năm : 2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
								
10/12	0021703	10/12	Bán máy khoan MT 603	131	20	510.000	10.200.000		
10/12	0021703	10/12	Bán máy khoan MT 651	131	10	395.000	3.950.000		
			
			Cộng số phát sinh				596.458.165		
			- Doanh thu thuần				596.458.165		
			- Giá vốn hàng bán				515.875.765		
			- Lãi gộp				80.582.400		

Sổ này có 11 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 11

Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Trích sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty TNHH An Khang

Loại tiền : VNĐ

Ngày. tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				PS Nợ	PS Có	Nợ	Có
A	B	C	D			1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					—	
			Số phát sinh trong kỳ					—	
....		
10/12	0021703	10/12	Bán máy khoan MT 603, MT 651	511 3331		16.000.000 1.600.000			
21/12	PT309	10/12	Thanh toán tiền hàng ngày 10/12	111			17.600.000		
....		
			Cộng phát sinh trong kỳ			150.367.864	116.548.544		
			Số dư cuối kỳ					33.819.320	

Sổ này có 9 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 09

Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

STT	Tên khách hàng	Số dư ĐK		Số phát sinh		Số dư CK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	
7	Cty XD&TM Quê Hương	96.350.100		104.570.000	174.290.000	26.530.100	
8	Cty TNHH An Khang	—		150.367.864	116.548.544	33.819.320	
9	Cty TNHH Huy Hoàng Anh	165.530.000		115.545.000	130.417.000	150.658.000	
	
	Cộng	1.175.419.300		1.263.861.850	903.664.098	1.535.616.052	

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.10: Trích bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK : 511

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
01/12	0021070	01/12	Xuất bán máy khoan chưa thanh toán			131		16.300.000
05/12	PT304	05/12	Xuất bán máy mài thanh toán ngay bằng TGNH			112		20.800.000
10/12	0021073	10/12	Xuất kho máy khoan chưa thanh toán			131		16.000.000
							
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			911	20.573.732.062	
			Số phát sinh trong kỳ				20.573.732.062	20.573.732.062
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 20 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 20

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.11: Trích sổ cái TK 511 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK : 632

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
01/12	PXK257	01/12	Xác định giá vốn máy khoan			156	13.100.000	
05/12	PXK258	05/12	Xác định giá vốn máy mài			156	15.700.000	
10/12	PXK259	10/12	Xác định giá vốn máy khoan			156	14.150.000	
							
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển giá vốn			911		19.632.299.174
			Số phát sinh trong kỳ				19.632.299.174	19.632.299.174
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 17 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 17

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12: Trích sổ cái TK632 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình

Chi phí quản lý kinh doanh gồm nhiều loại chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương nhân viên quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Khác với chi phí nhân công trực tiếp sản xuất tính theo sản phẩm, lương của nhân viên quản lý được tính theo thời gian:

Thực lĩnh	=	Số tiền một ngày công	x	Số ngày công
--------------	---	--------------------------	---	-----------------

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”. Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2.

- **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642: chi phí kinh doanh
- Và các tài khoản khác có liên quan

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Phiếu xuất kho
- Bảng chấm công
- Và các chứng từ kế toán có liên quan....

- **Sổ kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642
- Và các sổ kế toán có liên quan

Thực tế chi phí quản lý kinh doanh tại công ty phát sinh các nghiệp vụ :

Ngày 06/12 : công ty thanh toán hóa đơn dịch vụ viễn thông tháng 12 của công ty, tổng số tiền thanh toán là 946.000 (bao gồm thuế GTGT 10%)

- Từ hoá đơn dịch vụ viễn thông kế toán viên lập phiếu chi.
- Căn cứ vào phiếu chi kế toán vào sổ Nhật lý chung đồng thời vào sổ cái TK111, TK642

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số: 01GTKT – 2LN – 03

Ký hiệu: AB/2010T

Số: 582785

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mã số: 02 00287977 022

TT dịch vụ khách hàng – VTHP – Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng: công ty TNHH Yên Bình MST : 0200403750

Địa chỉ: số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số điện thoại: 0313.838136 Mã số: HPG-02-3754841

Hình thức thanh toán:

Dịch vụ sử dụng	Thành tiền
Kỳ hóa đơn Tháng 12/2010	860.000
Cộng tiền dịch vụ(1)	860.000
Thuế suất GTGT:10%*(1)=tiền thuế GTGT	86.000
Tổng cộng tiền thanh toán	946.000

Số tiền bằng chữ: Chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng.

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Biểu 2.13: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH
SỐ 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số : 291

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 642 :

Nợ TK 133 :

Có TK 111 :

Người nhận tiền: *Vũ Thị Minh Thu*

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Trả tiền điện thoại văn phòng

Số tiền: **946.000** (Viết bằng chữ): *chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng./.*

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Biểu 2.14: Phiếu chi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642 133 111	860.000 86.000	946.000
							
10/12	0021703	10/12	Cty TNHH An Khang mua hàng chưa thanh toán Giá vốn hàng bán			131 511 3331 632 156	17.600.000 14.150.000	16.000.000 1.600.000 14.150.000
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			642 111	3.500.000	3.500.000
14/12	0021706	14/12	Thanh lý TSCĐ			214 811 211 111 711 3331	250.333.423 125.166.712 160.000.000	375.500.135 145.454.545 14.545.455
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi TGNH			112 515	1.056.000	1.056.000
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711 911	20.511.386.684 5.294.791 146.404.812	20.663.086.287
			Kết chuyển chi phí			911 632 642 811	20.573.732.062	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895
			Cộng phát sinh				163.759.812.724	163.759.812.724

-Sổ này có 26 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 26

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15: Trích nhật ký chung tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK : 642

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			111	860.000	
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			111	3.500.000	
							
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911		738.036.993
			Số phát sinh trong kỳ				738.036.993	738.036.993
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 12

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16: Trích sổ cái TK 642 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản doanh thu tài chính chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp. Trong kỳ công ty không phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 515 : doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, Sao kê tài khoản ngân hàng ...
- Phiếu kế toán

Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

Thực tế doanh thu hoạt động tài chính tại công ty:

Ngày 07/12, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn về lãi tiền gửi được hưởng.

Trình tự hạch toán:

Từ giấy báo có của ngân hàng kế toán kế toán vào sổ Nhật ký chung, đồng thời vào sổ cái TK 515.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN

MÃ GDV: BATCH

MÃ KH: 0100109782

GIẤY BÁO CÓ

Hải Phòng

Ngày 31/12/2010

Giờ in: 9:30:11

Số chứng từ: 012.5789.2980

Ngày giờ nhận

Đã hạch toán

Số chuyển tiền: 89475234980342

Note:

Hôm nay, chúng tôi xin trân trọng thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 09000034052

Số CMT:

Địa chỉ: 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số tiền: VNĐ 1.056.000

Một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng.

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng NN và PTNT- Hải Phòng

Mã VAT Ngân hàng: 010021256304134

Mã VAT khách hàng: 0200403750

GIAO DỊCH VIÊN

LIEN 2

PHONG NGHIEP VU

Biểu 2.17: Giấy báo có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình
Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642 133 111	860.000 86.000	946.000
							
10/12	0021703	10/12	Cty TNHH An Khang mua hàng chưa thanh toán Giá vốn hàng bán			131 511 3331 632 156	17.600.000 14.150.000	16.000.000 1.600.000 14.150.000
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			642 111	3.500.000	3.500.000
14/12	0021706	14/12	Thanh lý TSCĐ			214 811 211 111 711 3331	250.333.423 125.166.712 160.000.000	375.500.135 145.454.545 14.545.455
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi TGNH			112 515	1.056.000	1.056.000
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711 911	20.511.386.684 5.294.791 146.404.812	20.663.086.287
			Kết chuyển chi phí			911 632 642 811	20.573.732.062	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895
			Cộng phát sinh				163.759.812.724	163.759.812.724

-Sổ này có 26 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 26

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18: Trích nhật ký chung tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK : 515

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			112		1.056.000
							
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	5.294.791	
			Số phát sinh trong kỳ				5.294.791	5.294.791
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19: Trích sổ cái TK 515 tháng 12/2010

2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Các hoạt động khác của công ty bao gồm: Thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: “Thu nhập khác”
- TK 811: “Chi phí khác”

Thu nhập khác: Đây là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Chi phí khác: Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 711: doanh thu khác
- Tài khoản 811: chi phí khác

Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT

Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, 811

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thực tế trong kỳ phát sinh nghiệp vụ bán thanh lý TSCĐ :

Ngày 14/12/2010 công ty TNHH Yên Bình bán thanh lý cho công ty TNHH TM & DV Ba Cường một chiếc ô tô con đã qua sử dụng với giá thanh lý là 160.000.000VNĐ(bao gồm cả thuế GTGT 10%)

Dựa vào biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 14/12/2010 kế toán định khoản:

a.Nợ TK 214 : 250.333.423

Nợ TK 811 : 125.166.712

Có TK 211 : 375.500.135

Dựa vào hóa đơn GTGT 0021706 ngày 14/12/2010 kế toán định khoản:

Nợ TK 111 : 160.000.000

Có TK 711 : 145.454.545

Có TK 3331: 14.545.455

Kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi sổ cái TK711, TK811.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Bộ phận : Phòng kinh doanh

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Căn cứ quyết định số : 01 ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Ban giám đốc công ty TNHH Yên Bình về việc Thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm :

Ông : Nguyễn Văn Thái Chức vụ : Giám đốc

Bà : Phạm Thị Oanh Chức vụ : Phó giám đốc

Ông : Trần Việt Quý Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

-Tên, quy cách TSCĐ : xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA màu xanh

-Số hiệu TSCĐ : biển kiểm soát 16H – 9720

-Nước sản xuất : Nhật Bản

-Năm sản xuất : 2006

-Năm đưa vào sử dụng : 2006

-Nguyên giá TSCĐ : 375.500.135VNĐ

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 250.333.423 VNĐ

-Giá trị còn lại của TSCĐ : 125.166.712VNĐ

III.kết luận của Ban thanh lý tscđ:

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ :

-Chi phí thanh lý TSCĐ :

-Giá trị thu hồi : 145.454.545

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 14 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			NG/2010B																
Liên 3: Nội bộ			0021706																
Ngày 14 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Yến Bình.....																			
Địa chỉ: SỐ 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:.....																			
Điện thoại:0313 838136.....MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>5</td><td>0</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	0	3	7	5	0				
0	2	0	0	4	0	3	7	5	0										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Cty TNHH TM & DV Ba Cường.....																			
Địa chỉ: Số 3 Lô phụ-U20 Lam Sơn-Lam Sơn- Q.Lê Chân- Hải Phòng																			
Số tài khoản:.....																			
Hình thức thanh toán: TM.....MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>0</td><td>9</td><td>6</td><td>0</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	9	0	9	6	0	3				
0	2	0	0	9	0	9	6	0	3										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Xe ô tô con đã qua sử dụng	Chiếc	01	145.454.545	145.454.545														
Cộng tiền hàng:					145.454.545														
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			14.545.455														
Tổng cộng tiền thanh toán					160.000.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn/.</i>																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
Lê Văn Ba		Lê Thị Nhung		Nguyễn Văn Thái															

Biểu 2.20: Hóa đơn GTGT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH
SỐ 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006
của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU THU

Số : 307

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 111 :

Có TK 711:

Có TK 3331 :

Người nộp tiền: *Lê Văn Ba*.....

Địa chỉ: Cty TNHH TM & DV Ba Cường

Lý do nộp: Thu tiền bán thanh lý TSCĐ

Số tiền: **160.000.000** (Viết bằng chữ): *Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn.*

Kèm theo:..... Chứng từ gốc.

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ Quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Biểu 2.21: Phiếu thu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình
Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng
SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642 133 111	860.000 86.000	946.000
							
10/12	0021703	10/12	Cty TNHH An Khang mua hàng chưa thanh toán Giá vốn hàng bán			131 511 3331 632 156	17.600.000 14.150.000	16.000.000 1.600.000 14.150.000
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			642 111	3.500.000	3.500.000
14/12	0021706	14/12	Thanh lý TSCĐ			214 811 211 111 711 3331	250.333.423 125.166.712 160.000.000	375.500.135 145.454.545 14.545.455
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi TGNH			112 515	1.056.000	1.056.000
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711 911	20.511.386.684 5.294.791 146.404.812	20.663.086.287
			Kết chuyển chi phí			911 632 642 811	20.573.732.062	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895
			Cộng phát sinh				163.759.812.724	163.759.812.724

-Sổ này có 26 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 26

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.22: Trích nhật ký chung tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Doanh thu khác

Số hiệu TK : 711

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
14/12	0021706	14/12	Bán thanh lý TSCĐ			111		145.454.545
							
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu khác			911	146.404.812	
			Số phát sinh trong kỳ				146.404.812	146.404.812
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.23: Trích sổ cái TK711 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Chi phí khác

Số hiệu TK : 811

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							
14/12		14/12	GTCL xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA biển số 16H9720 tại thời điểm nhượng bán			211	125.166.712	
							
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển Chi phí khác			911		203.395.895
			Số phát sinh trong kỳ				203.395.895	203.395.895
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24: Trích sổ cái TK811 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a/ Đặc điểm:

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

* *Kết quả sản xuất kinh doanh:*

Kết quả sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí QLDN
--------------------------------	---	--------------------	---	---------------------	---	-----------------

* *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí Tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	----------------------

* *Kết quả hoạt động khác*

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
---------------------------	---	------------------	---	-----------------

b/ Nguyên tắc hạch toán:

* Kế toán sử dụng **TK 911** để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 642, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

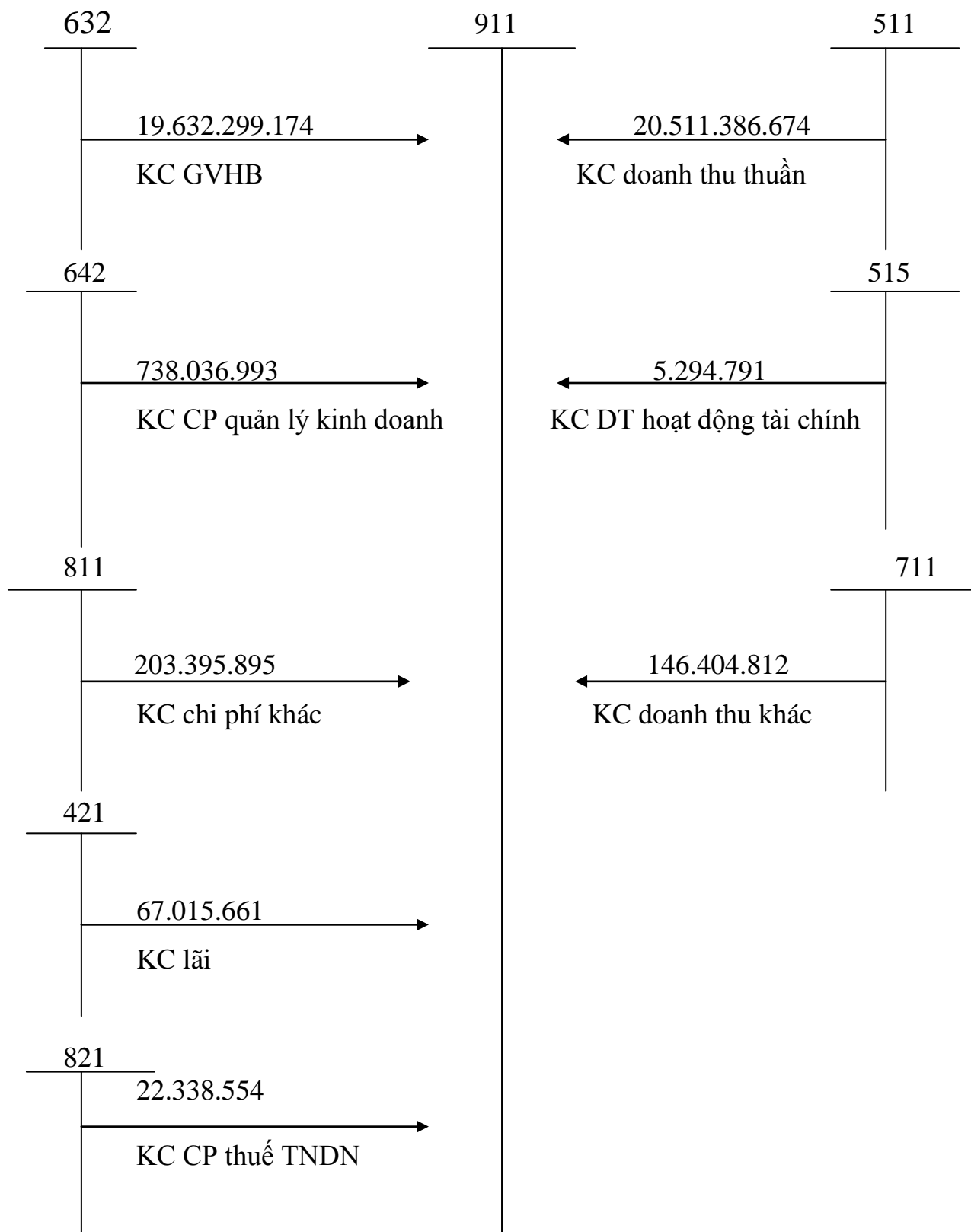
- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

+ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

+ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hạch toán xác định kết quả kinh doanh năm 2010



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
06/12	PC291	06/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài			642 133 111	860.000 86.000	946.000
							
10/12	0021703	10/12	Cty TNHH An Khang mua hàng chưa thanh toán Giá vốn hàng bán			131 511 3331 632 156	17.600.000 14.150.000	16.000.000 1.600.000 14.150.000
11/12	PC296	11/12	Chi tiền chiêu đãi khách hàng			642 111	3.500.000	3.500.000
14/12	PT308	14/12	Thanh lý TSCĐ			214 811 211 111 711 3331	250.333.423 125.166.712 160.000.000	375.500.135 145.454.545 14.545.455
							
31/12	GBL	31/12	Thu lãi TGNH			112 515	1.056.000	1.056.000
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711 911	20.511.386.684 5.294.791 146.404.812	20.663.086.287
			Kết chuyển chi phí			911 632 642 811	20.573.732.062	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895
			Cộng phát sinh				163.759.812.724	163.759.812.724

-Sổ này có 26 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 26

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25: Trích nhật ký chung tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK : 911

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí			632 642 811	19.632.299.174 738.036.993 203.395.895	
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 711		20.511.386.674 5.294.791 146.404.812
31/12		31/12	Kết chuyển thuế TNDN			821	22.338.554	
31/12		31/12	Kết chuyển lãi			421	67.015.661	
			Số phát sinh trong kỳ				20.663.086.287	20.663.086.287
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.26: Trích sổ cái TK 911 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK :421

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					68.989.921
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12		31/12	Kết chuyển lãi			911		67.015.661
			Số phát sinh trong kỳ					67.015.661
			Số dư cuối kỳ					136.005.582

-Sổ này có01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang01

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27: Trích sổ cái TK 421 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH Yên Bình

Địa chỉ : Số 1Đ – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK : Chi phí thuế TNDN

Số hiệu TK :821

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12		31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			3334	22.338.554	
31/12		31/12	Kết chuyển thuế TNDN			911		22.338.554
			Số phát sinh trong kỳ				22.338.554	22.338.554
			Số dư cuối kỳ					

-Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28: Trích sổ cái TK 821 tháng 12/2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Yên Bình
Địa chỉ: 1Đ-Phạm Hồng Thái-Hồng Bàng-HP

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	20.511.386.674	13.389.138.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		20.511.386.674	13.389.138.500
4. Giá vốn hàng bán	11		19.632.299.174	12.819.413.910
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		879.087.500	569.724.680
6. Doanh thu hoạt động TC	21		5.294.791	3.429.141
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		738.036.993	535.163.577
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		146.345.298	37.990.244
10. Thu nhập khác	31		146.404.812	45.633.903
11. Chi phí khác	32		203.395.895	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(56.991.083)	45.633.903
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV09	89.354.215	83.624.147
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		22.338.554	14.634.226
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		67.015.661	68.989.921

Lập, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH YẾN BÌNH

3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng- giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

Với yêu cầu quản lý về hoạt động kinh doanh thương mại của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Yên Bình dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt: để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình

3.1.1 Kết quả

Trước sự đổi mới của xã hội và nền kinh tế thị trường, công ty TNHH Yên Bình luôn cố gắng tiếp cận thị trường, tăng cường củng cố công tác cán bộ, nâng cao nhận thức và khả năng bắt kịp khoa học công nghệ mới, nâng cao khả năng kinh doanh.

Trong những năm vừa qua, công ty đã trải qua những giai đoạn thuận lợi và khó khăn, sự biến động của thị trường, tình trạng khủng hoảng kinh tế thế giới. Tuy nhiên công ty vẫn đứng vững và gặt hái được những thành tựu đáng kể, doanh thu của công ty vẫn tăng đều qua các năm.

Qua những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, công ty TNHH Yên Bình đã không ngừng mở rộng thị trường, đồng thời tiếp tục phát huy thế mạnh của mình đối với thị trường quen thuộc. Để có được kết quả như ngày nay không thể không kể đến công sức rất lớn của đội ngũ nhân viên trong công ty, trong đó có sự đóng góp quan trọng của phòng tài chính kế toán. Với cách bố trí công việc hợp lý, công tác kế toán nói chung và công tác tiêu thụ nói riêng của công ty TNHH Yên Bình đã đi vào nề nếp và có những thành tựu nhất định.

- Về hình thức kế toán :

Công ty vận dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức kế toán này đảm bảo ghi chép thông tin một cách đầy đủ, chi tiết, chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu thông tin sau này, giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, đầy đủ, nhanh chóng kết quả kinh doanh. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình được tiến hành tương đối hoàn chỉnh.

Công ty đã sử dụng đúng mẫu sổ sách, chứng từ theo quy định với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phản ánh đầy đủ nội dung và tính trung thực của thông tin. Kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tính chính xác cao, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của kế toán khi cần so sánh và đối chiếu số liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản kế toán công ty TNHH Yên Bình sử dụng được thực hiện theo đúng chế độ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, đảm bảo cập nhật những quy định mới nhất về tài khoản kế toán.

Chúng tôi được luân chuyển theo đúng quy định và có sự quy định trách nhiệm rõ ràng.

- Về bộ máy kế toán :

Hệ thống kế toán của công ty TNHH Yên Bình được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty, do đó đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát, đối chiếu số liệu phù hợp, cung cấp thông tin kinh tế, tập trung xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về một nơi là phòng tài chính kế toán.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước. Tại phòng kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, ghi chép đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Sổ sách được lập có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ trong công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- Bộ máy quản lý của công ty:

Công ty TNHH Yên Bình đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý.

3.1.2. Tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung, công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công ty còn có những mặt hạn chế nhất định mà công ty cần khắc phục.

-Về vận dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán:

Công ty TNHH Yên Bình đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phân hành trên Excel , Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển rất nhanh chóng, áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

-Về vận dụng tài khoản kế toán:

Công ty thực hiện hệ thống tài khoản theo quyết định QĐ48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính. Theo quyết định này, tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là 6421 “Chi phí bán hàng” và 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong hệ thống sổ sách của công ty, kế toán chưa hạch toán chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2. Như vậy sẽ khó khăn trong việc phân biệt giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, khó khăn trong công tác dự đoán và kiểm soát chi phí cũng như đề ra các biện pháp nhằm làm giảm chi phí.

- Về hạch toán chi phí tiền lương :

Hiện nay doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện trích các khoản trích theo lương là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp.

- Về chính sách ưu đãi cho khách hàng :

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

3.3. Những giải pháp đề ra để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Yên Bình

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp đơn vị quản lý chặt chẽ hoạt động tiêu thụ, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó giúp doanh nghiệp có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, điều tiết chi phí. Hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cung cấp tài liệu đáng tin cậy, có độ chính xác cao, giúp nhà quản lý đưa những giải pháp kịp thời, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Yên Bình, trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế. Nếu được khắc phục, phần hành kế toán của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Sau đây là một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Ý kiến 1: Về áp dụng phần mềm kế toán:

Nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn.

Trình độ vi tính của các cán bộ kế toán trong công ty còn hạn chế, nên trong thời gian tới công ty cần có kế hoạch nâng cao trình độ vi tính cho cán bộ kế toán để làm cho công tác hạch toán kế toán ngày càng đơn giản và hiệu quả hơn.

Ý kiến 2: Về hạch toán chi phí tiền lương:

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa người công ty với người lao động, công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ quy định. Cụ thể như sau :

	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Tổng
Doanh nghiệp	16%	3%	2%	1%	22%
Người LĐ	6%	1.5%		1%	7.5%
Tổng	22%	4.5%	2%	2%	30.5%

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ý kiến 3: Hoàn thiện kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Các nhà quản lý rất cần biết thông tin chi tiết, cụ thể về các khoản mục chi phí cũng như việc sử dụng và phân loại chi phí này, để từ đó lập dự toán chi phí, chủ động điều tiết. Nhưng ở công ty kế toán tập hợp các khoản mục chi phí và phản ánh trên tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”, không hạch toán chi tiết trên từng khoản mục chi phí. Do đó mà thông tin kế toán cung cấp được chưa đáp ứng được trọn vẹn yêu cầu của công tác quản lý.

Để giải quyết hạn chế, kế toán nên sử dụng 2 tài khoản cấp 2 của tài khoản 642 là tài khoản 6421 “chi phí bán hàng” và tài khoản 6422 “chi phí quản lý doanh nghiệp”. Việc này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định được kết quả cụ thể, chính xác, giúp cho việc theo dõi, quản lý được dễ dàng, từ đó đề ra biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

Ví dụ : Ngày 06/12 : công ty thanh toán hóa đơn dịch vụ viễn thông tháng 12 của công ty, tổng số tiền thanh toán là 946.000 (bao gồm thuế GTGT 10%)

Kế toán thu thập hóa đơn và định khoản như sau:

Nợ TK 6422 : 860.000

Nợ TK 133 : 86.000

Có TK 111 : 946.000

Hiệu quả của việc hoàn thiện:

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý của Nhà nước do Bộ tài chính ban hành. Nhân viên kế toán có cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo của công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục, có hệ thống về tình hình hiện có cũng như những biến động của các khoản mục chi phí phát sinh, phân đầu điều tiết chi phí sao cho các khoản chi phí giảm thiểu được tối đa, đồng thời giúp cho công tác thanh tra của các cơ quan quản lý được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng hơn.

Ý kiến 4 : Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa

Công ty nên xem xét và bổ sung chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho khách hàng nhằm tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Để hạch toán chiết khấu thương mại sử dụng tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại” khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng.

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu cho khách hàng sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

KẾT LUẬN

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Yên Bình, bằng kiến thức đã được học tạo nhà trường cùng với việc nghiên cứu thực tế công việc em đã tìm cho mình được nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích và quý báu về công tác tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán kế toán. Về cơ bản, công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tạo công ty là phù hợp, phát huy hết năng lực của ban lãnh đạo cũng như nhân viên công ty. Quá trình sản xuất kinh doanh của công ty không ngừng phát triển, tổng số vốn, doanh thu và lợi nhuận của công ty vẫn tăng lên hàng năm, mức tích lũy tăng ngày càng cao.

Hiện nay, công ty TNHH Yên Bình đang áp dụng hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức phù hợp với thực tế tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Kế toán đã sử dụng hệ thống sổ sách chứng từ khá đầy đủ theo quy định chung của Bộ tài chính, đảm bảo phù hợp với hệ thống kế toán tại công ty, tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa các phần hành kế toán trong hệ thống kế toán công ty. Công tác kế toán trong công ty có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng đối với đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc.

Công ty luôn chú trọng đến nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đội ngũ nhân viên trong công ty bằng cách tổ chức các chuyến du lịch tham quan vào các dịp lễ, hè...Lãnh đạo công ty đã rất quan tâm đến cán bộ nhân viên. Điều đó cũng thể hiện trách nhiệm của nhân viên trong công ty.

Trong năm qua, công ty cũng giống như những công ty khác cũng gặp phải khó khăn do bị ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế. Với những cố gắng, nỗ lực, công ty đã tìm ra những biện pháp khắc phục khó khăn, dần dần đưa công ty hoạt động một cách ổn định.

Quá trình tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH Yên Bình đã giúp em rất nhiều trong việc tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

quả kinh doanh trong thực tế, qua đó đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán trong công ty.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sỹ Ngô Thị Thanh Huyền cùng ban lãnh đạo và anh chị phòng Tài Chính kế toán của Công Ty TNHH Yên Bình đã hướng dẫn tận tình, giúp đỡ em hoàn thành báo cáo này.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Hoàng Thương Thảo